

Bản án số: 21/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 11/3/2021

“V/v yêu cầu chia tài sản
chung sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tăng

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/6/2020 về việc “ Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T Th A Ng – sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh B Đ H – sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N chi nhánh M H Bắc Qu B

Đại diện là ông T A L – Phó giám đốc

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2020 của nguyên đơn T Th A Ng trình bày giữa chị và anh B Đ H đã đăng ký kết hôn năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 02 người con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị Ng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H và giải quyết quyền nuôi dưỡng con chung của chị Ng và anh H.

Năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã giải quyết vụ án dân sự về hôn nhân gia đình, xử cho chị T Th A Ng được ly hôn anh B Đ H.

Sau khi ly hôn, giữa chị Ng và anh H vẫn có tài sản chung và khoản vay chung nên chị Ng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của chị và anh H.

Tại các phiên hòa giải anh B Đ H đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự về phân chia tài sản chung và nợ chung.

Ngày 24/9/2020 chị T Th A Ng có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung.

Chị Ng yêu cầu phân chia tài sản chung và khoản vay chung theo bản kê khai gồm: 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Hyundai Santafe biển kiểm soát 73A-041...; 01 ô tô bán tải hiệu Hyundai; 01 ô tô 09 chỗ biển kiểm soát Lào; 01 tivi 54 in; 01 tivi 32 in; 01 bộ ván ngựa kích thước 2,2m x 3,2m chất liệu gỗ De; 01 bộ ván ngựa kích thước 2 m x 3m chất liệu gỗ Sú; 01 bộ ván ngựa kích thước 1,8m x 3m ; 01 bộ bàn ghế trang điểm gỗ hương; 02 giường gỗ lát; 01 giường gỗ vàng chạng; 03 tủ quần áo 4 buồng gỗ dổi; 01 tủ lạnh LG; 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương; 01 xe máy SH biển kiểm soát 73C1-040...; 01 máy giặt; 02 bình hoa to bằng gỗ; 02 bình hoa nhỏ bằng gỗ; 01 ngôi nhà gỗ 02 tầng xây bao; 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ; Công ty TNHH một thành viên B H địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Ch L; Đất ở và đất vườn diện tích 2.023m² (Trong đó đất hành lang giao thông là 1.134m²), đất ở diện tích 400m².

Vay nợ ngân hàng N chi nhánh M H Bắc Qu B số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 18/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản chung của chị Ng và anh H.

Kết quả như sau: Đất ở và đất vườn trị giá 135.200.000 đồng; Nhà gỗ 02 tầng xây bao trị giá 1.957.000.000 đồng; Mái che fibro ximăng 80m trị giá 19.600.000 đồng; 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Hyundai Santafe biển kiểm soát 73A-041... trị giá 200.000.000 đồng; 01 bộ ván ngựa kích thước 2,2m x 3,2m chất liệu gỗ De trị giá 40.000.000 đồng; 01 bộ ván ngựa kích thước 2 m x 3m chất liệu gỗ Sú

trị giá 20.000.000 đồng; 01 bộ ván ngựa kích thước 1,8m x 3m gỗ Gõ trị giá 50.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế trang điểm gỗ hương trị giá 5.000.000 đồng; 01 giường gỗ lát 1,8m trị giá 5.000.000 đồng; 01 giường gỗ tết trị giá 3.000.000 đồng; 01 giường gỗ vàng chạng trị giá 2.000.000 đồng; 03 tủ quần áo 4 buồng trị giá 15.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương trị giá 25.000.000 đồng; 01 xe máy SH biển kiểm soát 73C1-040... trị giá 45.000.000 đồng.

Các tài sản còn lại Hội đồng không định giá do đã cũ và không có tài sản tại gia đình gồm: 02 ti vi, 01 máy giặt, 04 bình hoa, 01 xe bán tải Hyundai, 01 xe ô tô biển kiểm soát Lào, 01 ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp khấu hao hết giá trị, công ty TNHH một thành viên B H thuê đất ở xã D H làm quán sửa xe ô tô. Sau khi có kết quả định giá Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải nhưng chị Ng có mặt, anh Hùng vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, 37, 38, 59 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39, 147, 227, 273 bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự xử giao cho chị T Th A Ng được sở hữu 01 ngôi nhà gỗ 02 tầng trị giá 1.957.000.000 đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 đã hết giá trị sử dụng; 01 mái che fibro ximăng 80m trị giá 19.600.000 đồng và sử dụng thửa đất số 49 tờ bản đồ số 15 tại thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Qu B có diện tích là 2.023m² trị giá 135.200.000 đồng . (Tổng trị giá nhà và đất là 2.111.800 đồng) và 01 chiếc xe máy HONDA SH trị giá 45.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế trang điểm trị giá 5.000.000 đồng; 01 tủ quần áo gỗ tết trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ quần áo trị giá 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Ng được hưởng là 2.169.000 đồng. Chị Ng có nghĩa vụ phải trả nợ cho ngân hàng N chi nhánh M H Bắc Qu B số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2021 là 121.081.500 đồng. Sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ giá trị tài sản chị Ng được hưởng là 2.048.819 đồng.

Giao cho anh B Đ H được sở hữu: 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Santafe trị giá 200.000.000 đồng; 01 bộ ván ngựa kích thước 2,2m x 3,2m chất liệu gỗ De trị giá 40.000.000 đồng; 01 bộ ván ngựa kích thước 2 m x 3m chất liệu gỗ Sú trị giá 20.000.000 đồng; 01 bộ ván ngựa kích thước 1,8m x 3m gỗ Gõ trị giá 50.000.000 đồng ; 01 giường gỗ lát 1,8m trị giá 5.000.000 đồng; 01 giường gỗ vàng chạng trị giá 2.000.000 đồng; 02 tủ quần áo 4 buồng trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương trị giá 25.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là 352.000.000 đồng.

Chị Ng phải trả tiền chênh lệch cho anh H số tiền 848.409.000 đồng.

Chị Ng và anh H phải chịu 80.016.000 đồng tiền án phí chia tài sản, ngoài ra chị Ng còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T Th A Ng và anh B Đ H ly hôn tháng 10 năm 2019, tài sản chung hai bên tự thỏa thuận nhưng không thỏa thuận được nay chị Ng yêu cầu phân chia tài sản sau ly hôn. Nguồn gốc số tài sản gồm ngôi nhà gỗ xây bao 2 tầng trên thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15 có diện tích 2.023m². Về tài sản bàn ghế, tủ, xe máy, xe ô tô, ván ngựa đều do vợ chồng mua sắm. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2007 có 400m² đất ở. Việc chị Ng yêu cầu phân chia tài sản chung là có căn cứ.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B Đ H vắng mặt và không hợp tác để giải quyết vụ án. Anh H yêu cầu tài sản giao lại cho 02 con không phân chia và không hợp tác với Tòa án để giải quyết.

Đại diện ngân hàng yêu cầu chị Ng và anh H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/3/2021 là 21.081.250 đồng.

Căn cứ vào kết quả định giá ngày 18/11/2020 tổng giá trị tài sản chung là 2.521.900 đồng. Chị Ng có nguyện vọng được sử dụng ngôi nhà để cho các con ở là hợp lý.

Vì vậy căn cứ vào các Điều 33, 37, 59, 62 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật đất đai xử giao cho chị Ng được sở hữu ngôi nhà gỗ 02 tầng xây bao có diện tích 396m² trị giá 1.957.000.000 đồng, mái hiên trị giá 19.600.000 đồng và thửa đất số 49 tờ bản đồ số 15 diện tích 2.023m² trị giá 135.200.000 đồng; 01 xe máy hiệu HONDA SH biển kiểm soát 73C1-040... trị giá 45.000.000 đồng; 01 giường gỗ lát trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế trang điểm trị giá 5.000.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo trị giá 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà chị Ng được phân chia là 2.171.800.000 đồng, chị Ng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng N chi nhánh M H Bắc Qu B số tiền 100.000.000 đồng theo khế ước vay ngày 17/9/2015 và lãi suất tính đến ngày 11/3/2021 là 21.081.250 đồng và lãi phát sinh đến ngày thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ, tổng giá trị tài sản mà chị Ng được hưởng là 2.050.719 đồng.

Chị Ng có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản cho anh B Đ H số tiền 850.359.000 đồng, giá trị tài sản chị Ng còn được hưởng là 1.200.359.000 đồng.

Giao cho anh B Đ H được sở hữu các tài sản gồm: 03 bộ ván ngựa cụ thể 01 bộ gỗ gõ trị giá 50.000.000 đồng; 01 bộ gỗ de trị giá 40.000.000 đồng; 01 bộ gỗ sù

trị giá 20.000.000 đồng; 01 giường trị giá 2.000.000 đồng; 01 giường trị giá 3.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương trị giá 25.000.000 đồng ; 02 tủ quần áo trị giá 10.000.000 đồng; 01 xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển kiểm soát 73A-041... trị giá 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 350.000.000 đồng. Anh H được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ chị Ng là 850.359.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà anh B Đ H được hưởng là 1.200.359.000 đồng.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản hết số tiền 3.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 165 bộ luật tố tụng dân sự buộc chị Ng và anh H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định và định giá. Chị Ng đã nộp số tiền 3.000.000 đồng, anh B Đ H có nghĩa vụ trả lại cho chị Ng số tiền 1.500.000 đồng.

Về án phí: Chị Ng và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị T Th A Ng đối với anh B Đ H.

Căn cứ điều 33, điều 37, điều 59 luật Hôn nhân và gia đình; điều 213 và điều 189 bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 227, Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự; điều 100 luật đất đai xử:

Giao cho chị T Th A Ng được sở hữu ngôi nhà gỗ 02 tầng xây bao, có mái hiên trị giá 1.976.600.000 đồng và được sử dụng thửa đất đã xây nhà số 49, tờ bản đồ số 15 có diện tích 2.023m² (trong đó có 400m² đất ở và 1.623m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Qu B có tứ cận như sau: phía Bắc giáp đường Hồ Chí Minh dài 47,91m; phía Nam giáp bờ suối dài 59,14m; phía Đông giáp đất thổ cư dài 64,07m; phía Tây giáp bờ suối dài 17,66m (có sơ đồ kèm theo), thửa đất có 1.134m² thuộc hành lang an toàn giao thông có giá trị là 135.200.000 đồng và được sở hữu 01 bộ bàn ghế trang điểm trị giá 5.000.000 đồng; 01 tủ quần áo trị giá 5.000.000 đồng; 01 giường gỗ lát trị giá 5.000.000 đồng và 01 xe máy hiệu SH biển kiểm soát 73C1-040... trị giá 45.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 2.171.800.000 đồng, chị T Th A Ng có trách nhiệm trả nợ ngân hàng N chi nhánh M H Bắc Qu B số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo khế ước vay ngày 17/9/2015 và lãi suất tính đến ngày 11/3/2021 là 21.081.250 đồng và lãi phát sinh đến ngày thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ, tổng giá trị tài sản mà chị Ng được hưởng là 2.050.719 đồng.

Chị Ng có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản cho anh B Đ H số tiền 850.359.000 đồng, giá trị tài sản chị Ng còn được hưởng là 1.200.359.000 đồng.

Giao cho anh B Đ H được sở hữu các tài sản gồm: 03 bộ ván ngựa cụ thể 01 bộ gỗ gõ trị giá 50.000.000 đồng; 01 bộ gỗ de trị giá 40.000.000 đồng; 01 bộ gỗ sù trị giá 20.000.000 đồng; 01 giường trị giá 2.000.000 đồng; 01 giường trị giá 3.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ hương trị giá 25.000.000 đồng ; 02 tủ quần áo trị giá 10.000.000 đồng; 01 xe ô tô hiệu Hyundai Santafe biển kiểm soát 73A-041.79 trị giá 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 350.000.000 đồng. Anh H được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ chị Ng là 850.359.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà anh B Đ H được hưởng là 1.200.359.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định của Luật Thi hành án dân sự.

2. Chi phí thẩm định và định giá: Căn cứ khoản 2 Điều 165 bộ luật tố tụng dân sự buộc anh B Đ H phải trả lại cho chị T Th A Ng số tiền 1.500.000 đồng.

3. Án phí: Chị T Th A Ng phải chịu 48.010.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Nghĩa đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004304 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ. Chị T Th A Ng còn phải nộp 47.710.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười nghìn đồng)

Anh B Đ H phải chịu án phí có giá ngạch là 48.010.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/3/2021), bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã H H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ